

ĐẶT VẤN ĐỀ

**KHOẢNG SÁNG SAU GÁY
(KSSG)**

- Độ mờ da gáy
- Khoảng chứa dịch nằm ở sau gáy thai nhi

SIÊU ÂM ĐO KSSG

- Quý I thai kỳ → cần thiết
- Tiêu chí sàng lọc trước sinh



KSSG trên siêu âm

ĐẶT VẤN ĐỀ

CHẨN ĐOÁN TĂNG KSSG

- Dùng biểu đồ bách phân vị
- Dùng ngưỡng: 3,0mm; 3,5mm

CHẨN ĐOÁN TĂNG KSSG TẠI VIỆT NAM

- Dùng ngưỡng: 3,0mm
- Bất thường NST: 24,4%
- Bất thường hình thái: 18%

Nếu sử dụng ngưỡng chẩn đoán KSSG 2,5mm, tỷ lệ bất thường này sẽ thay đổi như thế nào?

MỤC TIÊU

MÔ TẢ KẾT QUẢ CHẨN ĐOÁN TRƯỚC SINH CỦA NHỮNG TRƯỜNG HỢP THAI NHI CÓ TĂNG KHOẢNG SÁNG SAU GÁY

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

➤ Mô tả tiến cứu

CỖ MẪU NGHIÊN CỨU

➤ $n = 270$, với

✓ $p = 0,244$

✓ $\alpha = 0,05$

✓ $\varepsilon = 0,21$

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- ❑ 278 thai phụ
- ❑ Tại Trung tâm CĐTTS - Bệnh viện PSTW
- ❑ 4/2017 - 9/2017

- Tuổi thai: 11 đến 13 tuần
6 ngày
- KSSG $\geq 2,5$ mm
- Tư vấn chọc hút dịch ối để làm NST đồ
- Siêu âm hình thái ở tuổi thai 22 tuần.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Tuổi thai phụ

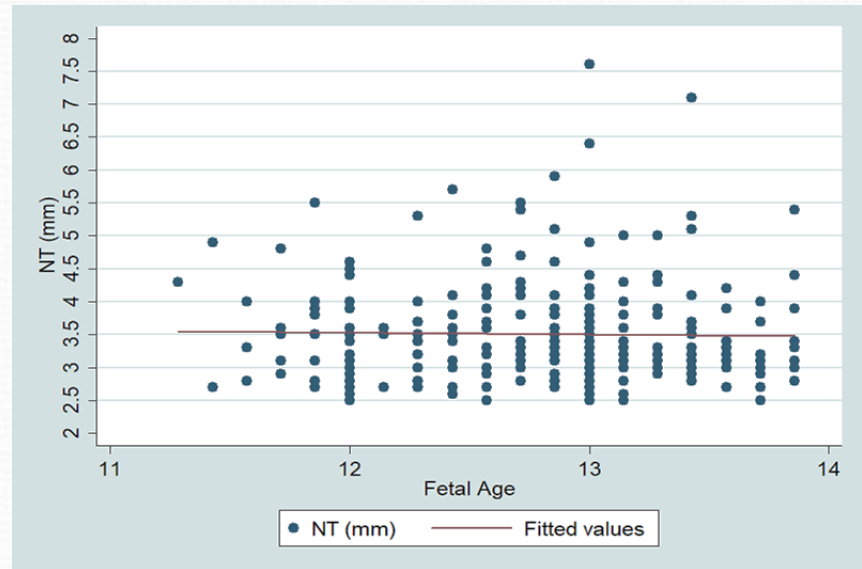
Nhóm tuổi	Số lượng	Tỷ lệ %
< 20 tuổi	3	1.1
20 - 34 tuổi	213	76.6
≥ 35 tuổi	62	22.3
Tổng	278	100

- *Độ tuổi trung bình tại thời điểm chẩn đoán là $30,1 \pm 5,5$ tuổi, thấp nhất là 19 tuổi và cao nhất là 45 tuổi*

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 2. Phân bố KSSG theo tuổi thai

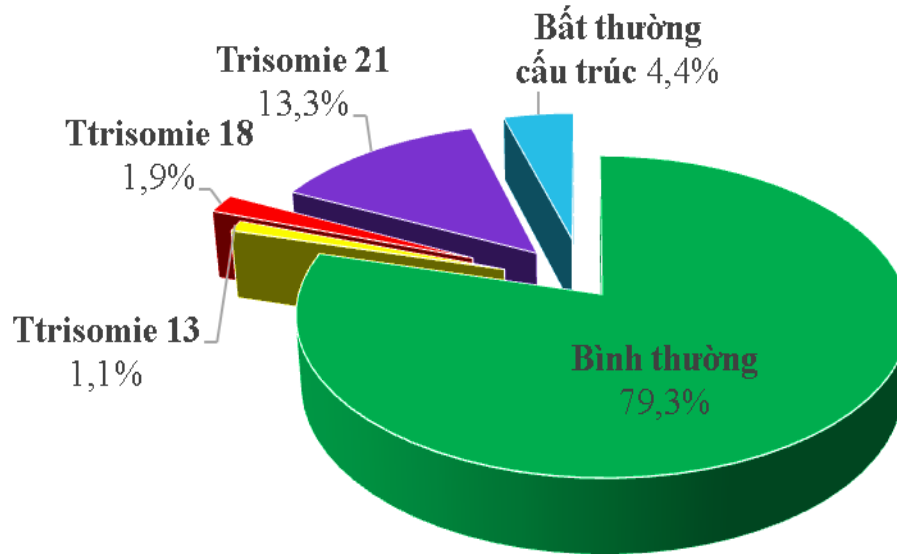
Content	Mean \pm SD	Min - Max
Fetal age	12w5d \pm 1w2d	11w2d – 13w6d
NT	3.5 \pm 0.8mm	2.5 – 7.6 (mm)



Nhận xét:

- Tuổi thai trung bình khi đo KSSG là 12 tuần 5 ngày
- Kích thước trung bình của KSSG là 3,5 \pm 0,8mm

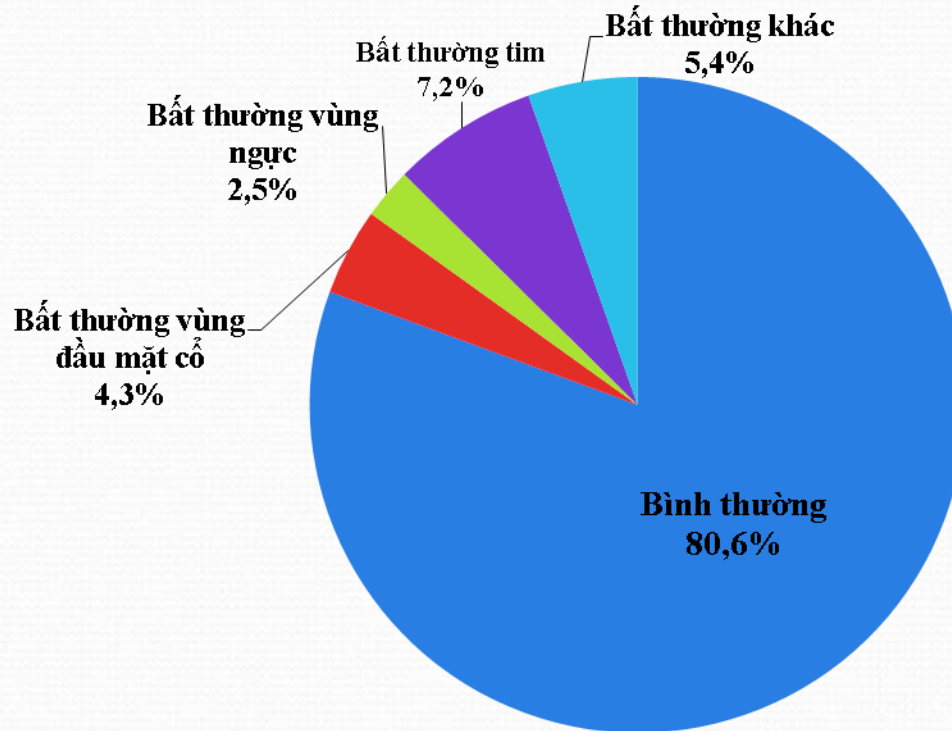
KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN



Biểu đồ 1. Kết quả nhiễm sắc thể đồ thai nhi (n = 270)

- Bất thường NST: 20,7%
 - ✓ Bất thường về số lượng: 16,3%
 - ✓ Bất thường cấu trúc: 4,4%

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN



Biểu đồ 2. Kết quả siêu âm hình thái (n=278)

Nhận xét: Tỷ lệ bất thường hình thái là 19,4%, trong đó bất thường cấu trúc tim là nhiều nhất (7,2%)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3. Phân bố kết quả NST đồ theo kích thước KSSG (n=270)

NST đồ KSSG	Bất thường		Bình thường		p
	n	%	n	%	
2,5 - 2,9 mm	12	22,6	41	77,4	>0,05
3,0 - 3,4 mm	19	17,9	87	82,1	
3,5 - 3,9 mm	11	20,0	44	80,0	
≥ 4,0 mm	14	25,0	42	75,0	
Tổng số	56	20,7	214	79,3	

Nhận xét: Sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ bất thường NST giữa các KSSG ($p > 0,05$)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 4. Phân bố kết quả siêu âm theo kích thước KSSG (n=278)

KQ siêu âm KSSG	Bất thường		Bình thường		p
	n	%	n	%	
2,5 - 2,9 mm	10	18,2	45	81,8	>0,05
3,0 - 3,4 mm	14	12,8	95	87,2	
3,5 - 3,9 mm	16	29,9	39	70,1	
≥ 4,0 mm	14	23,8	45	72,7	
Tổng số	54	19,4	224	80,6	

Nhận xét: Sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ bất thường hình thái giữa các KSSG ($p > 0,05$)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 5. Phân bố kết quả NST đồ theo ngưỡng tăng KSSG (n=270)

NST \ KSSG	Bất thường		Bình thường		p
	n	%	n	%	
≥ 2,5mm	56	20,7	214	79,3	>0,05
≥ 3,0mm	44	20,3	173	79,7	
≥ 3,5mm	25	22,5	28	80,5	

Nhận xét: Sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê về tỷ lệ bất thường NST giữa các ngưỡng tăng KSSG ($p > 0,05$)

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 6. Phân bố bất thường hình thái theo ngưỡng tăng KSSG (n=278)

KQ siêu âm KSSG	Bất thường		Bình thường		p
	n	%	n	%	
≥ 2,5mm (1)	54	19,4	224	80,6	$p_{1-2} > 0,05$
≥ 3,0mm (2)	44	19,7	179	80,3	$p_{2-3} < 0,05$
≥ 3,5mm (3)	30	26,3	84	73,7	$p_{1-3} < 0,05$

- Bất thường hình thái ở những thai có KSSG ≥ 2,5mm là 19,4%
 - ✓ Không có sự khác biệt với nhóm KSSG ≥ 3,0mm ($p_{1-2} > 0,05$)
 - ✓ Thấp hơn nhóm KSSG ≥ 3,5mm ($p_{1-3} < 0,05$)

KẾT LUẬN

1. KSSG 2,5 - 2,9mm:

- Bất thường NST: 22,6%
- Bất thường hình thái là 18,2%

2. KSSG \geq 2,5mm:

- Bất thường NST: 20,7%
- Bất thường hình thái là 19,4% (15,4% NST đồ bình thường)
- Bất thường hình thái hay gặp nhất: cấu trúc tim (7,2%)
- Chưa có sự khác biệt với nhóm KSSG \geq 3,0mm
- Khác biệt với ngưỡng KSSG là \geq 3,5mm: thấp hơn



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!